

Số: 43 /2012/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 14 tháng 9 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành Quy chế quản lý cây xanh
đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 56/TTr-SXD ngày 01/8/2012 về việc ban hành Quy chế quản lý cây xanh đô thị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 18/2006/QĐ-UBND ngày 16/5/2006 của UBND tỉnh Kon Tum về việc giao nhiệm vụ quản lý cây xanh đô thị.

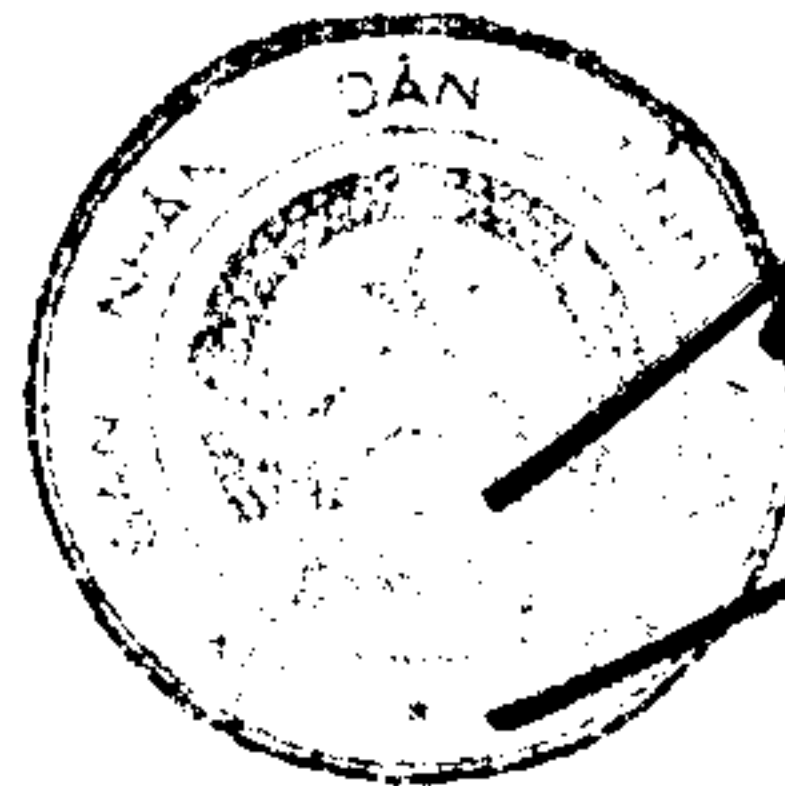
Điều 3. Ông (Bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- Cục KT văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các Phó CT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu VT- KTN 4.

HC

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hùng

**QUY CHẾ
QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ**

(kèm theo Quyết định số ~~43~~ ⁴ /2012/QĐ-UBND ngày 4/9/2012 của UBND tỉnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về phân cấp về lập, phê duyệt kế hoạch phát triển cây xanh đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt, phân cấp quản lý Nhà nước về cây xanh đô thị, bao gồm: Quản lý, bảo vệ và chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

2. Cây xanh đô thị thuộc đối tượng quản lý tại Quy chế này bao gồm:

a) Cây xanh trong các công trình công cộng đô thị gồm: Cây xanh trong công viên, vườn hoa, cây xanh và thảm cỏ tại quảng trường, cây xanh trồng theo hành lang sông, suối trong phạm vi đô thị thuộc ranh giới hành chính quản lý và cây xanh thuộc các khu vực công cộng khác trong đô thị.

b) Cây xanh trên đường phố đô thị, bao gồm: Cây bóng mát được trồng hoặc có thể là cây mọc tự nhiên, cây trang trí, dây leo trồng trên hè phố, dải phân cách, đảo giao thông.

c) Cây xanh được trồng trong khuôn viên các trụ sở, trường học, bệnh viện, nghĩa trang, công trình tín ngưỡng, tôn giáo, biệt thự, nhà ở và các công trình công cộng khác do các tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng trong đô thị.

3. Quy định này không áp dụng đối với cây trồng với mục đích sản xuất nông - lâm nghiệp của các tổ chức và cá nhân; cây xanh làm hành lang cách ly các công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối như: Khu chôn lấp chất thải rắn; khai thác nước sạch, khu xử lý nước thải...; cây xanh tại các khu vườn ươm thực vật hoặc sưu tập thực vật; rừng vành đai, rừng phòng hộ ven đô thị.

Điều 2: Đối tượng áp dụng:

1. Ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng các cấp thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Các tổ chức, cá nhân được chọn thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị.

3. Các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước có liên quan đến các hoạt động, bao gồm: Đầu tư phát triển cây xanh đô thị, chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giải thích từ ngữ:

Trong Quy chế này các từ ngữ, khái niệm được hiểu như sau:

1. *Quản lý cây xanh đô thị, cây xanh đô thị, cây xanh sử dụng công cộng đô thị, cây xanh sử dụng hạn chế trong đô thị, cây xanh chuyên dụng trong đô thị, cây cổ thụ, cây được bảo tồn, cây thuộc danh mục cây cấm trồng, cây thuộc danh mục cây trồng*

hạn chế, cây nguy hiểm, vườn ươm cây, đơn vị thực hiện về dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị được định nghĩa cụ thể tại Điều 2 Chương I của Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị (*sau đây gọi tắt là Nghị định 64/2010/NĐ-CP*).

2. “*Ủy ban nhân dân cấp huyện*”: Bao gồm Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân các huyện trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

3. “*Cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện*”: Bao gồm phòng Quản lý đô thị thành phố, Phòng Kinh tế và Hạ tầng các huyện.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý cây xanh đô thị

1. Cây xanh đô thị là một bộ phận của hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị do Nhà nước thống nhất quản lý nhằm phục vụ nhu cầu công cộng cho toàn xã hội. Các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ cây xanh đô thị. Mọi trường hợp vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng cây xanh đô thị tùy theo mức độ vi phạm, phải được xử lý theo pháp luật hiện hành.

2. Việc quản lý cây xanh đô thị phải được thực hiện theo đúng nguyên tắc được quy định tại Điều 3 của Nghị định 64/2010/NĐ-CP.

Điều 5. Phân cấp quản lý cây xanh đô thị

1. Sở Xây dựng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh. Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây được bảo tồn: cây cổ thụ, cây thuộc danh mục loài cây quý hiếm, cây được liệt kê trong sách đỏ thực vật Việt Nam, cây được công nhận có giá trị lịch sử văn hóa.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức quản lý hệ thống cây xanh tại các đô thị thuộc phạm vi quản lý hành chính và theo cơ chế chính sách phân cấp quản lý cây xanh đô thị; có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm chế độ quản lý, bảo vệ cây xanh đô thị; cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị (*trừ các loài cây bảo tồn quy định tại Khoản 1 Điều 5*) trên địa bàn quản lý hành chính.

3. Các Sở, ban, ngành có liên quan: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp Sở Xây dựng thực hiện quản lý nhà nước đối với cây xanh đô thị.

Điều 6. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý cây xanh đô thị.

Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức chính trị, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong phạm vi trách nhiệm của mình phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và các trường học tuyên truyền phổ biến, giáo dục, hướng dẫn học sinh, sinh viên và cộng đồng dân cư tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật liên quan về quản lý cây xanh đô thị.

Điều 7. Các hành vi bị cấm: Các hành vi bị cấm được quy định tại Điều 7 của Nghị định 64/2010/NĐ-CP.

Chương II

ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ THEO QUY HOẠCH

Điều 8. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị.

1. Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất được duyệt; Ủy ban nhân dân cấp huyện lập kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và giai đoạn 5 năm.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thẩm định về chuyên môn kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị do Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch, làm cơ sở bố trí vào chương trình hoặc kế hoạch đầu tư phát triển kinh tế xã hội hàng năm của địa phương.

Điều 9. Cây xanh tại các khu đô thị mới, khu dân cư mới theo dự án.

Khi triển khai xây dựng khu đô thị mới, chủ đầu tư phải đảm bảo quỹ đất trồng cây xanh; cây xanh được trồng phải đúng chủng loại, tiêu chuẩn cây trồng theo quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt. Đồng thời, chủ đầu tư dự án khu đô thị mới, khu dân cư mới phải có trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ cây xanh đến khi bàn giao cho cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện.

Điều 10. Cây xanh tại các tuyến đường đô thị xây dựng mới

Đường đô thị khi xây dựng mới phải trồng cây xanh đồng bộ với việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật. Khi cải tạo, nâng cấp đường đô thị, các công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc khi tiến hành hạ ngầm các đường dây, cáp nổi tại các đô thị có liên quan đến việc quản lý cây xanh, chủ đầu tư phải thông báo cho cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện và đơn vị dịch vụ quản lý cây xanh trên địa bàn biết để giám sát thực hiện.

Chương III

QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 11. Tổ chức lập, phê duyệt danh mục cây cần được bảo tồn

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức lập danh mục cây cần được bảo tồn trên địa bàn hành chính do mình quản lý trình Sở Xây dựng thẩm định.

2. Ủy ban nhân dân các huyện phê duyệt danh mục cây cần được bảo tồn trên địa bàn hành chính do mình quản lý trên cơ sở kết quả đề nghị của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện. Kết quả phê duyệt được đồng thời gửi cho Sở Xây dựng để tổng hợp, theo dõi.

3. Nội dung danh mục cây cần được bảo tồn thể hiện được những nội dung cơ bản quy định tại khoản 1, điều 17, Nghị định 64/2010/NĐ-CP.

Điều 12. Quản lý cây xanh thuộc danh mục cây cần được bảo tồn.

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện thống nhất quản lý nhà nước tại địa phương đối với cây xanh thuộc danh mục cây cần được bảo tồn, thực hiện các công việc sau:

a) Công bố danh mục cây cần được bảo tồn được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc do mình phê duyệt;

b) Kiểm tra việc chặt hạ, dịch chuyển cây và quá trình quản lý chăm sóc cây cần được bảo tồn trên địa bàn hành chính do mình quản lý.

2. Quản lý, chăm sóc cây xanh được bảo tồn

a) Đối với cây xanh được bảo tồn trong khu vực sử dụng công cộng đô thị, Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp quản lý thông qua hợp đồng với các đơn vị dịch vụ về cây xanh có năng lực chăm sóc bảo đảm về sinh trưởng, mỹ thuật tán cây, an toàn khi chăm sóc, chặt hạ, dịch chuyển cây;

b) Đối với cây xanh được bảo tồn trong khu vực thuộc khuôn viên thuộc quyền quản lý của các tổ chức, cá nhân thì chủ sử dụng có trách nhiệm quản lý cây xanh được bảo tồn trong khuôn viên do mình quản lý.

Điều 13. Quản lý cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị.

Ủy ban nhân dân cấp huyện thống nhất quản lý nhà nước tại địa phương đối với cây xanh sử dụng công cộng đô thị với những thẩm quyền sau:

1. Căn cứ điều kiện cụ thể tại địa phương quyết định lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh có đủ năng lực, kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực cây xanh đô thị, có trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ được giao trên địa bàn do mình quản lý.

2. Tổ chức lực lượng theo dõi, kiểm tra, bảo vệ thường xuyên hệ thống cây xanh sử dụng công cộng.

3. Phối hợp đơn vị dịch vụ về quản lý cây xanh lập hồ sơ quản lý cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị để phục vụ công tác bảo tồn, quản lý bảo đảm về mỹ thuật, an toàn khi chăm sóc.

Điều 14. Quản lý cây xanh trong khuôn viên nhà đất của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

1. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được lựa chọn giống cây trồng, thụ hưởng toàn bộ hoa lợi từ cây và chịu trách nhiệm trong việc bảo quản, chăm sóc cây xanh, hoa, cỏ, kiểng, dây leo trồng trong khuôn viên do mình quản lý.

2. Cây trồng trong khuôn viên của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Không thuộc danh mục cây cấm trồng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

b) Cây trồng lẻ, trồng dặm thì tùy thuộc khoảng không gian của khuôn viên mà chọn cây thích hợp nhưng có độ cao khi trưởng thành không quá 15m;

c) Khoảng cách ly an toàn đến các công trình kỹ thuật đô thị phải theo quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành và phải bảo đảm cây xanh có tán, thân, rễ không gây hư hại đến các công trình lân cận thuộc quyền quản lý của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác;

d) Cây trồng theo dự án đầu tư bằng ngân sách nhà nước thì thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế kỹ thuật được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh thuộc danh mục cây cần được bảo tồn và cây có chiều cao từ 10m trở lên thực hiện theo quy định Chương V của Quy chế này.

Điều 15. Đối với cây nguy hiểm trong đô thị.

1. Cây nguy hiểm trong đô thị phải có biện pháp bảo vệ và có kế hoạch chặt hạ, dịch chuyển kịp thời. Cây trồng mới phải bảo đảm theo quy định tại Điều 19 của Quy chế này.

2. Đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh có trách nhiệm lập hồ sơ theo dõi tình trạng phát triển của cây; lập kế hoạch chặt hạ, dịch chuyển cây trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đồng thời tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 16. Thẩm quyền ban hành danh mục cây trồng, cây cấm trồng, cây nguy hiểm, cây trồng hạn chế trong đô thị.

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan xác định danh mục cây nguy hiểm, cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trong đô thị trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành danh mục và phổ biến cây xanh được trồng trong đô thị trên địa bàn mình quản lý phù hợp với điều kiện, đặc thù của địa phương theo đề nghị của cơ quan quản lý về xây dựng cấp huyện và đơn vị được giao quản lý cây xanh.

3. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm làm đầu mối phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thỏa thuận danh mục cây xanh được trồng trong đô thị theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 2 điều này.

Điều 17. Các nguồn lợi thu được từ cây xanh

1. Các nguồn lợi thu được từ cây trồng trên đường phố, công viên, vườn hoa (hoa, quả, củ, gỗ) thuộc sở hữu Nhà nước. Nguồn thu được phải thực hiện đúng và nộp vào Ngân sách nhà nước theo quy định.

2. Trường hợp cây xanh thuộc sở hữu Nhà nước nhưng nằm trong khuôn viên của cơ quan, đơn vị, trường học, bệnh viện ... do cơ quan, đơn vị đó quản lý thì các cơ quan đơn vị này được hưởng các nguồn lợi từ hoa quả, củ cành theo quy định. Riêng gỗ thì đơn vị quản lý cây xanh thu để thực hiện đúng và nộp vào Ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Cây xanh trong khuôn viên đất tư nhân khi cắt tỉa hoặc chặt hạ thì tư nhân được hưởng toàn bộ hoa quả, củ, gỗ.

Chương IV
QUY HOẠCH, TRỒNG, CHĂM SÓC, ƯƠM CÂY, BẢO VỆ,
CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 18. Quy hoạch cây xanh đô thị

Quy hoạch cây xanh đô thị thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8, 9, 10 của Nghị định 64/2010/NĐ-CP.

Điều 19. Trồng, chăm sóc cây xanh đô thị

1. Việc trồng cây xanh đô thị phải tuân thủ quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc trồng cây phải đúng quy trình kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật, khoảng cách giữa các cây trồng, khoảng cách tối thiểu đối với lề đường (*Phụ lục số 2 kèm theo Quy chế này*) đúng chủng loại, tiêu chuẩn cây và đảm bảo an toàn; cây mới trồng phải được bảo vệ, chống giữ thân chắc chắn, ngay thẳng, đảm bảo cây sinh trưởng và phát triển tốt.

3. Cây trồng phải được định kỳ chăm sóc, kiểm tra và xác định tình trạng phát triển của cây để có các biện pháp theo dõi, bảo vệ và xử lý kịp thời các tác động ảnh hưởng đến sự phát triển của cây.

4. Việc chăm sóc, cắt tỉa cây phải tuân thủ quy trình kỹ thuật đồng thời phải có biện pháp bảo đảm an toàn cho người, phương tiện và công trình.

5. Yêu cầu đối với cây trồng:

a) Cây trồng không nằm trong danh mục cây cấm trồng do UBND tỉnh ban hành;

b) Cây thẳng, phân cành cao, dáng cân đối, không sâu bệnh, có hoa đẹp, chịu được thời tiết khắc nghiệt, cây ít rụng lá, trơ cành, xanh tốt quanh năm (*tham khảo Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này*);

c) Cây bóng mát có chiều cao phát triển từ $6\text{m} \div 8\text{m}$, đường kính thân cây tại vị trí có chiều cao 1,30 m tính từ mặt đất tối thiểu 10 cm.

Điều 20. Đối với vườn ươm

1. Trong quy hoạch cây xanh đô thị cần dành quỹ đất hợp lý để phát triển vườn ươm cây xanh. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình xây dựng vườn ươm cây xanh theo quy chuẩn, tiêu chuẩn được Nhà nước ban hành, để phục vụ cho nhu cầu trồng mới, thay thế, chỉnh trang cây xanh đô thị.

2. Dành quỹ đất cho việc làm vườn ươm cây xanh để chủ động trong việc trồng thay thế hàng năm hệ thống cây xanh trên khu vực quản lý. Tổ chức hoặc cá nhân sử dụng đất để phát triển vườn ươm phải đúng mục đích và đảm bảo hiệu quả sử dụng đất, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào việc nghiên cứu giống cây, thuần hóa cây, công tác tạo giống, ươm giống cây trồng đáp ứng cung cấp cây xanh cho đô thị.

Điều 21. Bảo vệ cây xanh đô thị

1. Cây xanh đô thị phải được giữ gìn, bảo vệ và kiểm tra thường xuyên.

2. Mọi tổ chức và cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ cây xanh trong đô thị đồng thời thông báo cho Ủy ban nhân dân theo phân cấp quản lý để có biện pháp xử lý.

3. Ủy ban nhân dân các cấp theo phân cấp quản lý có trách nhiệm tổ chức bảo vệ, kiểm tra, xử lý các hành vi xâm phạm về cây xanh đô thị; tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về bảo vệ cây xanh đô thị có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh đô thị có trách nhiệm bảo vệ cây xanh đô thị trên địa bàn được giao theo hợp đồng với cơ quan quản lý cây xanh đô thị theo phân cấp.

5. Lập hồ sơ quản lý cây xanh

Tổ chức cá nhân được giao quản lý, chăm sóc cây xanh chịu trách nhiệm:

a) Thống kê về số lượng, chất lượng, đánh số cây, gắn biển số cho tất cả cây xanh đô thị, lập hồ sơ cho từng tuyến phố, khu vực công cộng.

b) Đối với cây được bảo tồn ngoài việc thực hiện việc thống kê, phân loại, đánh số, cần phải treo biển tên và lập hồ sơ cho từng cây để phục vụ công tác bảo tồn, quản lý bảo đảm về mỹ thuật, an toàn khi chăm sóc.

c) Bảng tên và số cây được quy định thống nhất như sau:

- Đối với cây được bảo tồn: Bảng số và tên cây được làm bằng chất liệu bền không sét gỉ, nền màu xanh, số và tên cây màu trắng, bảng có kích thước 20x12 cm, được gắn ở độ cao $\geq 2,5$ m so với mặt đất (*Phụ lục số 1, mẫu 1 kèm theo Quy chế này*).
- Đối với cây xanh thông thường: Số cây được đánh theo thứ tự lớn dần từ đầu đường, phố đến cuối đường, phố theo từng đường, phố hoặc khu vực. Việc đánh số cây phải đảm bảo mỹ quan đô thị. Bảng số được làm bằng chất liệu bền không sét gỉ, nền màu xanh, số màu trắng, bảng có kích thước 10x7 cm, được gắn ở độ cao $\geq 2,5$ m so với mặt đất (*Phụ lục số 2, mẫu 2 kèm theo Quy chế này*).

Điều 22. Lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh

1. Đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh phải có đủ năng lực, kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực cây xanh đô thị, có trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.
2. Việc lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh theo hình thức đấu thầu hoặc đặt hàng thông qua hợp đồng.
3. Căn cứ điều kiện cụ thể tại địa phương và quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ về quản lý cây xanh trên địa bàn do mình quản lý.

Chương V

ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC, THẨM QUYỀN CẤP PHÉP CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 23. Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

1. Điều kiện cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị phải thực hiện theo đúng quy định tại khoản 1 điều 14 Nghị định 64/2010/NĐ-CP.
2. Các trường hợp chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị phải có giấy phép được quy định tại khoản 2 điều 14 Nghị định 64/2010/NĐ-CP.
3. Các trường hợp được miễn giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị là: chặt hạ ngay do tình thế khẩn cấp có nguy cơ bị ngã, đổ gây nguy hiểm cho người và tài sản, do thiên tai hoặc cây đã chết, đã bị đổ gãy. Trước khi chặt hạ, dịch chuyển phải có biên bản, ảnh chụp hiện trạng và phải báo cáo lại cơ quản lý cây xanh đô thị chậm nhất trong vòng 10 ngày kể từ ngày thực hiện xong.

Điều 24. Thủ tục cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị bao gồm:
 - a) Đơn đề nghị nêu rõ vị trí chặt hạ, dịch chuyển; kích thước, loại cây và lý do cần chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị (*theo mẫu phụ lục 1 của Nghị định 64/2010/NĐ-CP*);
 - b) Sơ đồ vị trí cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển;
 - c) Ảnh màu chụp hiện trạng cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển (*cỡ ảnh tối thiểu 9 x 12cm*) ở góc độ thể hiện rõ vị trí, tình trạng, hiển thị sự nguy hiểm (*vết sâu mục, độ nghiêng...*).
2. Tiếp nhận hồ sơ và thời gian giải quyết cấp giấy phép

- a) Tổ chức, cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị nộp tại cơ quan quản lý cây xanh đô thị theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Điều 5 Quy chế này;
- b) Thời gian giải quyết cho việc cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển tối đa không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 25. Thẩm quyền cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

Thẩm quyền cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị được quy định tại Điều 5 Quy chế này. Mẫu đơn đề nghị cấp giấy phép và giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 của Nghị định 64/2010/NĐ-CP.

Điều 26. Thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

1. Thời hạn để thực hiện chặt hạ, dịch chuyển cây xanh là không quá 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép. Quá thời hạn trên, mà chưa thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh thì giấy phép đã cấp không còn giá trị.

2. Đối với việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phục vụ các công trình, dự án thì việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh được thực hiện theo tiến độ yêu cầu của công trình, dự án.

3. Trường hợp chặt hạ, dịch chuyển cây xanh theo yêu cầu chính đáng của tổ chức, cá nhân thì tổ chức, cá nhân phải đền bù giá trị cây theo quy định tại thời điểm đề nghị và chịu mọi chi phí cho việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh và trồng cây mới (nếu có).

4. Việc thực hiện chặt hạ, dịch chuyển cây xanh phải do đơn vị dịch vụ về quản lý cây xanh hoặc do tổ chức, cá nhân có năng lực, thiết bị chuyên dùng thực hiện, bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của tổ chức, cá nhân.

5. Khuyến khích các đơn vị quản lý vận dụng các biện pháp khẩn cấp để khắc phục nguy hiểm, bảo vệ an toàn cho cây xanh, an toàn cho nhân dân; hạn chế thấp nhất nguy cơ ngã đổ trong mùa mưa.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành.

1. Sở Xây dựng: Tổ chức thực hiện quản lý cây xanh đô thị theo phân cấp của UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn theo kế hoạch hàng năm và giai đoạn 5 năm về đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng theo kế hoạch đã được phê duyệt;

b) Khi thẩm định (hoặc phê duyệt) các dự án đầu tư theo phân cấp phải tính đến hệ thống cây xanh, xem xét việc áp dụng các tiêu chuẩn về diện tích cây xanh và hạn chế đến mức thấp nhất diện tích trong đó phải di chuyển, chặt hạ cây xanh trên mặt bằng chiếm đất của dự án;

c) Nghiên cứu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách, ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển hệ thống cây xanh đô thị, công viên, vườn hoa.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân quyết định các loại phí, chi phí liên quan đến dịch vụ quản lý cây xanh;

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định và sử dụng nguồn lợi thu được từ việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh sử dụng công cộng có nguồn thu được.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tham gia ý kiến cho các cơ quan có chức năng trong việc lựa chọn giống cây trồng phù hợp mục đích trồng, khí hậu, thổ nhưỡng địa phương nhằm tạo sự đa dạng trong phát triển hệ thống cây xanh đô thị; quy hoạch hệ thống vườn ươm cây phục vụ nhu cầu trồng cây xanh đô thị.

5. Các ngành: Điện lực, Viễn thông, Cấp nước, Thoát nước, Môi trường đô thị:

Trong quá trình thi công, xử lý kỹ thuật công trình có trách nhiệm thông báo, phối hợp chặt chẽ với cơ quan được phân cấp quản lý cây xanh để bảo đảm kỹ thuật, mỹ thuật, sự an toàn và phát triển của cây xanh.

Điều 28. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Tổ chức thực hiện quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn theo phân cấp của UBND tỉnh.

Điều 29. Trách nhiệm của cơ quan quản lý trồng, chăm sóc cây xanh.

1. Thực hiện trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Nghiên cứu đề xuất chủng loại cây, hoa phù hợp với quy hoạch xây dựng, với đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu và cảnh quan chung; tiếp thu và lai tạo các loại cây, hoa đẹp ở các địa phương khác để áp dụng trên địa bàn được giao quản lý.

3. Lập hồ sơ danh sách và tổ chức đánh số cây xanh cổ thụ, cây cần bảo tồn theo hướng dẫn và định kỳ hàng năm lập báo cáo kiểm kê chất lượng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền./.

He

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục 1

QUY ĐỊNH VỀ BẢNG TÊN VÀ SỐ CÂY

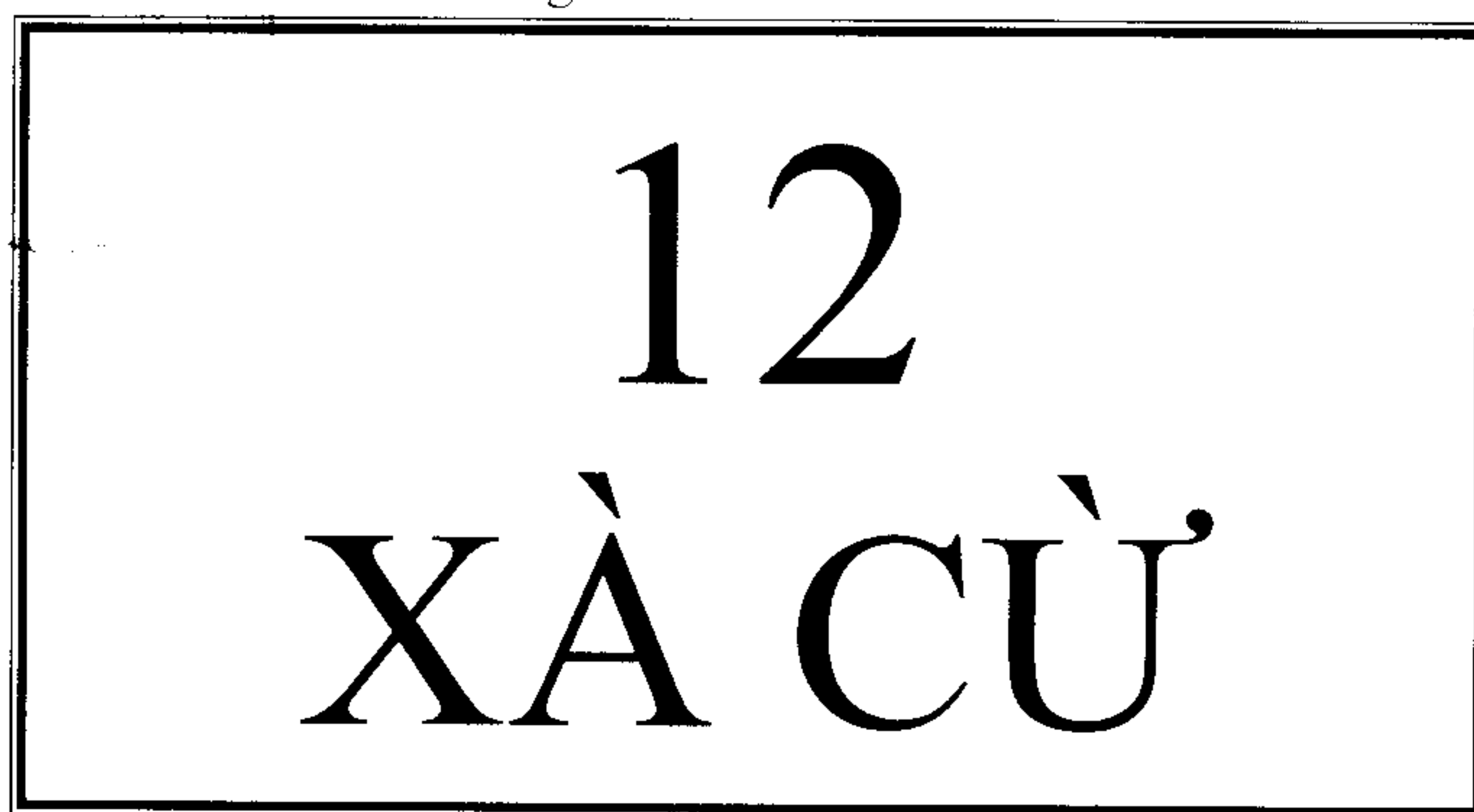
(Kèm theo quyết định số 43/2012/QĐ-UBND

ngày tháng 04 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Mẫu 1

BẢNG TÊN VÀ SỐ CÂY ĐƯỢC BẢO TỒN:

- Chất lượng bằng nhôm lá, dập viên, chữ và số nổi
- Kích thước 20x12 cm
- Nền màu xanh da trời
- Chữ màu trắng



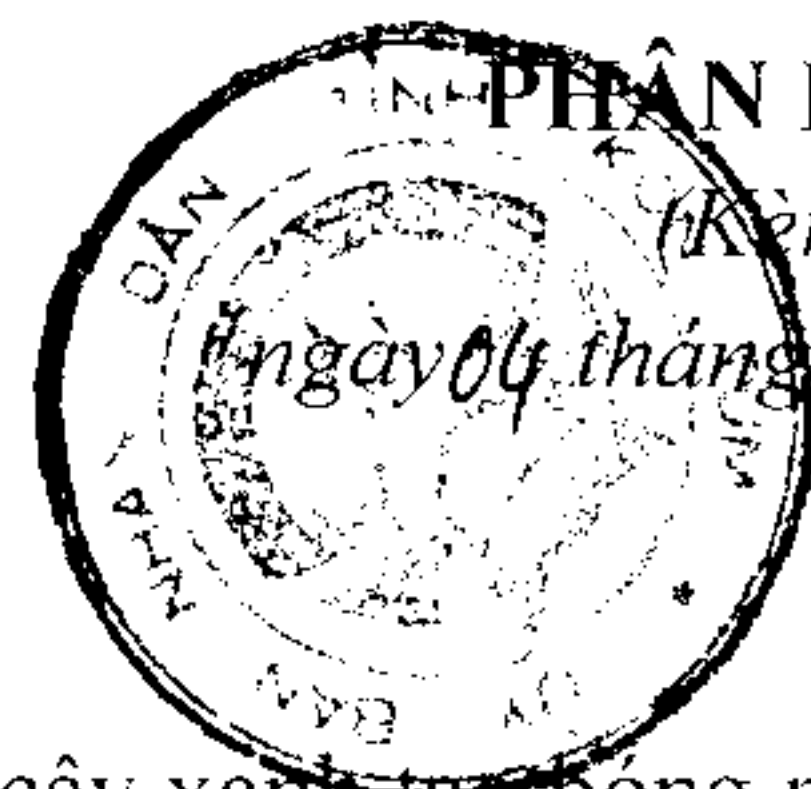
Mẫu 2

BẢNG SỐ CÂY THÔNG THƯỜNG:

- Chất lượng bằng nhôm lá, dập viên, số nổi
- Kích thước 10x7 cm
- Nền màu xanh da trời
- Chữ màu trắng



Phụ lục số 2



PHÂN LOẠI CÂY BÓNG MÁT TRONG ĐÔ THỊ

(Kèm theo quyết định số 43/2012/QĐ-UBND

ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Các dạng loại cây xanh tạo bóng mát được trồng trên đường phố và các khu vực sở hữu công cộng được phân làm 3 loại dựa trên chiều cao trưởng thành. Khoảng cách giữa các cây trồng phụ thuộc vào phân loại cây. Các quy định cụ thể như:

Số TT	Phân loại cây	Chiều cao	Khoảng cách trồng	Khoảng cách tối thiểu đối với lề đường	Chiều rộng vỉa hè
1	Cây loại 1 (cây tiểu mộc)	$\leq 10\text{m}$	Từ 4m đến 8m	0,6m	Từ 3m đến 5m
2	Cây loại 2 (cây trung mộc)	$> 10\text{m}$ đến 15m	Từ 8m đến 12m	0,8m	Trên 5m
3	Cây loại 3 (cây đại mộc)	$> 15\text{m}$	Từ 12m đến 15m	1m	Trên 5m

Phụ lục số 3
DANH MỤC ĐẶC TÍNH CỦA MỘT SỐ CÂY TRỒNG THƯỜNG GẶP

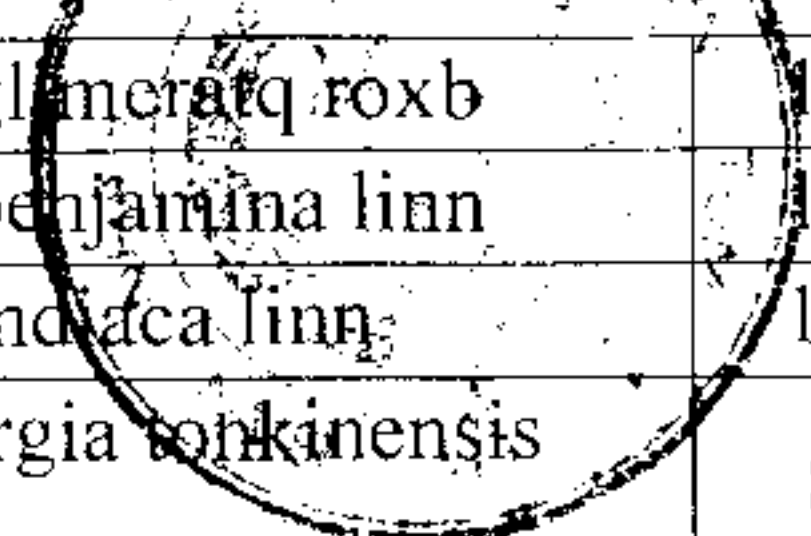
(Kèm theo quyết định số 43/2012/QĐ-UBND
Ngày 04 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)



Số TT	Tên cây	Tên khoa học	Cây cao (m)	Đường kính (m)	Hình thức tán	Dạng lá	Màu lá xanh	Kỳ rụng lá trơ cành (tháng)	Kỳ nở hoa (tháng)	Màu hoa
1	Ban	Bauhinia variegata Linn	6-8	3-4	Tự do	Bản	Nhật	11-1	12-4	Tím, trắng
2	Bạch đàn trắng	Eucalyptus resinifera smith	12-15	5-7	Thuôn	Bản	Nhật	-	4-5	Vàng ngà
3	Bạch đàn chanh	Eucalyptus maculata var citriodora	25-40	6-8	Thuôn	Bản	Nhật	-	5-6	Trắng xanh
4	Bạch đàn đỏ	Eucalyptus globulus smith	15-20	5-8	Thuôn	Bản	Nâu	-	8-9	Trắng ngà
5	Bạch đàn lá liễu	Eucalyptus exerta f.v muell	12	3-5	Thuôn rủ	Bản	Nhật	-	5-6	Trắng ngà
6	Bút mọc	Taxodium distichum rich	10-15	5-7	Tháp	Kim	Sẫm	2-3	4-5	Xanh hồ thủy
7	Bách tán	Araucaria excelsa r.br	40	4-8	Tháp	Kim	Sẫm		4-5	Xanh lam
8	Bàng	Terminalia catappa Linn	15-20	10	Phân tầng	Bản	Xanh	2-3	7-8	Xanh
9	Bông gòn	Ceiba pentandra Gaertn	20-30	6-10	Phân tầng	Bản	Nhật	2-4	3-4	Trắng
10	Bằng lăng	Lagerstroemia flosreginae Retz	15-20	8-10	Thuôn	Bản	Sẫm	2-3	5-7	Tím hồng
11	Chiêu liêu	Terminalia tomentosa Wight	15-30	8-15	Trứng	Bản	Vàng	3-4	5-6	Trắng ngà
12	Chò nâu	Dipterocarpus tonkinensis Chev	30-40	6-10	Tròn	Bản	Nhật	-	8-9	Vàng ngà

13	Chùm bao lớn	Hydnocarpus anthelmintica pierre	15-20	8-15	Trứng	Bản		-	1-3	Hồng
14	Dầu nước	Parashorea stellata kur	35	8-10	Tháp	Bản	Nhật	-	5-6	Trắng ngà
15	Dáng hương	Pterocarpus pedatus pierre	20-25	8-10	Tròn	Bản	Vàng	3-4	-	vàng
16	Dâu da xoan	Spondias lakonensis	6-10	6-8	Tròn	Bản	Nhật	2-3	4-5	Trắng ngà
17	Dái ngựa	Swietenia mahogani jacq	15-20	6-10	Trứng	Bản	Sẫm	1-2	4-5	Vàng nhạt
18	Đa búp đỏ	Ficus elastica roxb	30-40	25	Tự do	Bản	Sẫm		11	Vàng
19	Đề	Ficus religiosa Tinn	18-20	15-20	Trứng	Bản	Đỏ	4	5	Trắng ngà
20	Đa lông	Ficus pilosa rein	15-20	15-20	Tự do	Bản	Sẫm	-	11	Vàng ngà
21	Đài loan tương tư	Acacia confusa nierr	8-10	5-6	Tự do	Bản	Sẫm	-	6-10	Vàng
22	Đậu ma	Longocarpus formosanus	13-15	12-13	Tròn	Bản	Sẫm	-	4-5	Tím nhạt
23	Gioi	Sizygin samarangense merr et per g	10-12	6-8	Trứng	Bản	Vàng	-	4-5	Trắng xanh
24	Gạo	Gossampinus malabarica merr	20-25	8-12	Phân tầng	Bản	Nhật	2-4	3-4	Đỏ toi
25	Gáo	Sarcocephalus cordatus miq	18	8-10	Tự do	Bản	Vàng nhạt	-	4-5	Vàng nhạt
26	Gội trắng	Aphanamixis grandifolia bl	40	15	Trứng	Bản	Vàng nhạt	-	3-4	Xanh
27	Hoàng lan	Michelia champaca linn	15-20	6-8	Tháp	Bản	Vàng nhạt	-	5-6	Vàng
28	Hòe	Sophora japonica linn	15-20	7-10	Trứng	Bản	Sẫm	-	5-6	Vàng
29	Kim giao	Podocarpus wallichianus C.presl	10-15	6-8	Tháp	Bản			5-6	Vàng
30	Liều	Salix babylonica linn	7-10	4-6	Rũ	Bản	Nhật	1-3	4-5	Vàng nhạt
31	Lộc vùng	Barringtonia racemosa roxb	10-12	8-10	Tròn	Bản	Sẫm vàng	2-3	4-10	Đỏ thẫm
32	Long não	Cinnamomum camphora nees et ebern	15-20	8-15	Tròn	Bản	Nhật	-	3-5	Vàng

33	Lai	Aleurites moluccana willd	8-10	6-8	Trứng	Bản	Nhật	-	5-6	Vàng
34	Lai tua	Cananga odorata hook	15-20	6-8	Thuôn	Bản	Nhật	-	7-8	Xanh
35	Lim xẹt (lim vàng)	Peltophorum tonkinensis a. chev	25	7-8	Tròn	Bản	Vàng	1-3	5-7	Vàng
36	Muồng vàng chanh	Cassia fistula l.	15	10	Tròn	Bản	Nhật	-	6-9	Hoàng yến
37	Muồng hoa đào	Cassia nodosa linn	10-15	10-15	Tròn	Bản	Nhật	4	5-8	Hồng
38	Muồng ngủ	Pithecolobium saman benth	15-20	30-40	Tròn	Bản	Vàng sẫm	1-3	6-7	Hồng đào
39	Muồng đen	Cassia siamea lamk	15-20	10-12	Tròn	Bản	Sẫm	-	6-7	Vàng
40	Mỡ	Manglietia glauca bl.	10-12	23	Thuôn	Bản	Sẫm	-	1-2	Trắng
41	Móng bò tím	Banhinia purpurea l.	8-10	4-5	Tròn	Bản	Nhật	-	8-10	Tím nhạt
42	Muôm	Mangifera foetida lour	15-20	8-12	Tự do	Bản	Sẫm	-	2-3	Vàng hung
43	Me	Tamarindus indica l.	15-20	8-10	Trứng	Bản	Nhật	-	4-5	Vàng nhạt
44	Ngọc lan	Michelia alba de	15-20	5-8	Thuôn	Bản	Vàng nhạt	-	5-9	Trắng
45	Nhân	Euphoria longan (lour) steud	8-10	7-8	Tròn	Bản	Sẫm	-	2-4	Vàng ngà
46	Nhội	Bischofia trifolia hook f.	10-15	6-10	Tròn	Bản	Nhật đỏ	-	2-3	Vàng nhạt
47	Nụ	Garcinia cambodgien vesque	10-15	6-9	Tháp	Bản	Sẫm hồng	-	4-5	Vàng ngà
48	Nhựa ruồi	Ilex rotunda thunb	20	6-8	Tự do	Bản	Sẫm	-	4-5	Trắng lục
49	Núc rác	Oroxylum indicum vent	15-20	9-12	Phân tầng	Bản	Nhật	-	6-9	Đỏ
50	Phượng tây	Delonix regia raf	12-15	8-15	Tự do	Bản	Nhật	1-4	5-7	Đỏ
51	Sầu	Dracontomelum mangiferum b.l	15-20	6-10	Tròn	Bản	Sẫm	-	3-5	Xanh vàng
52	Sếu (cơm nguội)	Celtis sinensis person	15-20	6-8	Trứng	Bản	Sẫm	12-3	2-3	Trắng xanh
53	Sưa	Alstonia scholaris r.br	15-20	5-8	Phân tầng	Bản	Nhật	5-8	10-12	Trắng xanh
54	Sao đen	Hopea odorata roxb	20-25	8-10	Thuôn	Bản	Sẫm	2-3	4	Xanh lục



55	Sung	Ficus glomerata roxb	10-15	8-10	Tự do	Bản	Nhật	-	-	-
56	Si	Ficus benjamina linn	10-20	6-8	Tự do	Bản	Sẫm	-	6-7	Trắng xám
57	Sanh	Ficus indica linn	15-20	6-12	Tự do	Bản	Sẫm	-	6-7	-
58	Sứ	Dallbergia tonkinensis prain	8-10		Thuôn	Bản	Nhật	-	4-5	Xanh
59	Sau sau	Liquidambar formosana hance	20-30	8-15	Trứng	Bản	Nhật vàng	-	3-4	
60	Sến	Bassia pasquieri h. lec	15-20	10-15	Tròn	Bản	Sẫm	-	1-3	Trắng vàng
61	Sung hoa	Citharexylon quadrifolia	10-12	6-8	Trứng	Bản	Nhật	-	5-6	Trắng
62	Tếch	Tectona grandis linn	20-25	6-8	Thuôn	Bản	Vàng	1-3	6-10	Trắng nâu
63	Trôm	Sterculia foetida l	15-20	8-15	Tròn	Bản	Nhật	2-4	4-5	Đỏ nhạt
64	Thần mát	Millettia ichthyocarpa drake	15	4-7	Trứng	Bản	Nhật	11-1	3-4	Trắng
65	Thung	Tetrameles nudiflora	30-40	5-8	Thuôn	Bản	Nhật vàng	-	3-4	Nâu vàng
66	Thần mát hoa tím	Millettia ichthyocarpa	10-12	3-6	Thuôn	Bản	Nhật	-	5-6	tím
67	Thị	Diospyros buxifolia h. lec	20	8-12	Trứng	Bản	Sẫm	-	4-5	Vàng nâu
68	Trầu	Aburites motana wils	8-12	5-7	Phân tầng	Bản	Nhật	3-4	3-4	Trắng hồng
69	Trám đen	Canarium nigrum ongler	10-15	7-10	Tròn	Bản	Nhật	-	1-2	Trắng
70	Thông nhựa hai lá	Pinus merkusii	30	8-10	Tự do	Kim	Sẫm	-	5-6	Xanh lam
71	Thông đuôi ngựa	Pinus massoniana	30-35		Tháp	Kim	Vàng nhạt	-	4	Xanh lam
72	Vú sữa	Chrysophyllum cainito linn	12	6-8	Tròn	Bản	Nâu	-	9-10	Vàng ngà
73	Vông đông	Hura crepitans l	15	8-10	Trứng	Bản	Sẫm	-	7-9	Đỏ
74	Vông	Erythrina indica linn	8-10	6-8	Trứng	Bản	Nhật	1-4	4-5	Đỏ
75	Vàng anh	Saraca dives pierre	7-12	8-10	Tròn	Bản	Sẫm	-	1-3	Vàng sẫm
76	Xà cừ	Khaya senegalensis a. Juss	15-20	10-20	Tự do	Bản	Nhật	-	2-3	Trắng ngà